TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 55/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15-5-2023
"V/v Ly hôn giữa ông Đ và bà L"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Hoài và ông Hà Minh Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ông Võ Văn Đ**, sinh năm 1974

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

2. Bị đơn: **Bà Nguyễn Thị Cẩm L**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án ông Võ Văn Đ trình bày như sau:

Ông Võ Văn Đ (gọi tắt ông Đ) và bà Nguyễn Thị Cẩm L (gọi tắt bà L) chung sống với nhau vào năm 1997 hôn nhân tự nguyện được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang vào ngày 07/8/2017 theo quy định.

Vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do trong thời gian ông Đ đi làm ăn trên biển ở nhà bà L tổ chức chơi số, bao lô gây nợ và làm tiêu tán hết tài sản trong gia đình. Sau đó bà L bỏ nhà đi không cho ông Đ hay biết làm ăn sinh sống ở đâu. Ông Đ đã nhiều lần tìm cách liên hệ với vợ, kêu vợ quay về để chăm lo cho gia đình nhưng bà L tìm cách né tránh và không muốn vợ chồng đoàn tụ. Hiện nay vợ chồng đã ly thân khoảng 03 năm không có khả năng hàn gắn và mỗi người đều đã tạo cho mình cuộc sống riêng nên ông Đ xin được ly hôn với bà L để vợ chồng trả tự do cho nhau.

Về con chung: Ông Đ xác định vợ chồng có hai con chung tên Võ Đức T, sinh ngày 08/02/1997 và Võ Ngọc Tr, sinh ngày 19/02/2002. Hiện tại các con chung đều đã trưởng thành và phát triển bình thường không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Ông Đ xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa - bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm L vắng mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu xin ly hôn của ông Võ Văn Đ.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); giấy căn cước công dân (Bản công chứng); giấy khai sinh của các con chung vợ chồng; đơn xác nhận tỉnh trạng cư trú của đương sự. Bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định, bị đơn bà L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tai phiên tòa đề nghị áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho ông Đ được ly hôn với bà L; về con chung các con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không đề cập đến việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung vợ chồng không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Cẩm L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bà L.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ pháp luật: Ông Đ yêu cầu ly hôn với bà L nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn".

Ông và bà L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Đ, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh từ chính quyền địa phương có cơ sở xác định đời sống hôn nhân của ông Đ và bà L đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bà L tham gia tệ nạn xã hội (chơi số, lô) gây nợ nần và làm tiêu tán tài sản gia đình sau đó bỏ nhà đi không quay về đoàn tụ với chồng. Mặc dù ông Đ đã tìm cách liên hệ nhưng bà L tìm cách né tránh không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đến nay vợ chồng đã ly thân trong thời gian dài, mỗi người đều có cuộc sống riêng không còn dành sự quan tâm đến nhau. Từ đó có cơ sở để nhận định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của ông Đ, cho ông Đ được ly hôn với bà L**.**

Về con chung: Ông Đ và bà L có hai người con chung tên Võ Đức T, sinh ngày 08/02/1997 và Võ Ngọc Tr, sinh ngày 19/02/2002, hiện tại các con chung của ông bà đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không xem xét đến vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung của vợ chồng: Ông Đxác định không có tài sản chung, bà L không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung của vợ chồng: Các đương sự không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc ông Đ là nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia và đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn Đ.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Võ Văn Đ và bà Nguyễn Thị Cẩm L.

2. Về con chung:

Ông Võ Văn Đ và bà Nguyễn Thị Cẩm L có hai người con chung tên Võ Đức T, sinh ngày 08/02/1997 và Võ Ngọc Tr, sinh ngày 19/02/2002, hiện tại các con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không xem xét đến vấn đề nuôi dưỡng.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Ông Võ Văn Đ có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003937 ngày 28/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Ông Võ Văn Đ đã nộp đủ án phí.

6. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 15/5/2023, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu, HS, VP.